

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 56/2024/DS-PT

Ngày 24/01/2024

V/v: "*Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản*".

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Duy Tuấn.

Các Thẩm phán: 1. Bà Nguyễn Thị Nhung
2. Bà Nguyễn Thị Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Ngân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắc Lắc.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đắc Lắc tham gia phiên tòa: Ông Ngụ Văn Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở TAND tỉnh Đắc Lắc xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 415/2023/TLPT-DS ngày 22 tháng 11 năm 2023 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*". Do bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắc Lắc bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 487/2023/QĐPT-DS ngày 25/12/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐPT-DS ngày 09/01/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Bích H; Địa chỉ: Số 177/9 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Tấn B; Địa chỉ: Số 153 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông Nguyễn Văn Th; Địa chỉ: Số 278A đường L, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, có mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty TNHH MTV TM&DV M (nay là Công ty TNHH MTV TM&DV Q)

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Tấn B; Địa chỉ: Số 153 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Tấn Ph; Địa chỉ: Số 177/9 đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắc Lắc, vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị Thu T; Địa chỉ: đường N, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

4. Bà Nguyễn Thị Hồng L; Địa chỉ: Thôn L, xã C, huyện P, tỉnh Bình Định, vắng mặt.

- Người kháng cáo: Bà Võ Thị Bích H.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Võ Thị Bích H trình bày:

Tôi với ông Nguyễn Tấn B có mối quan hệ gia đình với nhau, ông B là anh chồng của tôi, nên vào ngày 02/7/2010 tôi có cho ông Nguyễn Tấn B vay số tiền 600.000.000 đồng, không có thời hạn trả, khi tôi đòi thì phải báo trước thời hạn 01 tháng: mục đích vay tiền để ông Nguyễn Tấn B đầu tư kinh doanh cà phê bột, lãi suất trong hợp đồng là 12%/năm, lãi suất trả vào cuối tháng, khi vay không thế chấp tài sản gì.

Do là anh, em nên Công Ty TNHH MTV TM&DV M kinh doanh gặp nhiều khó khăn nên tôi chưa đòi gốc và lãi. Vừa qua tôi được biết ông Nguyễn Tấn B tự ý bán nhiều tài sản của cá nhân và của Công Ty TNHH MTV TM&DV M nhưng không trả gốc và lãi cho tôi. Tôi đã đòi nhiều lần nhưng đến nay ông Nguyễn Tấn B vẫn chưa trả cho tôi bất kỳ khoản tiền nào về gốc và lãi như đã thỏa thuận.

Trong giấy vay tiền ngày 02/7/2010 ông Nguyễn Tấn B ký, ghi họ tên và đóng dấu là Giám đốc Công Ty TNHH MTV TM&DV M nhưng lúc đó là anh em nên ký, đóng dấu để làm tin chứ tôi không cho Công Ty TNHH MTV TM&DV M vay tiền. Tôi xác định chỉ cho cá nhân ông Nguyễn Tấn B vay tiền, không liên quan gì đến Công Ty TNHH MTV TM&DV M và gia đình ông B nên tôi chỉ khởi kiện cá nhân ông Nguyễn Tấn B phải trả tiền gốc và lãi cho tôi theo giấy vay tiền.

Số tiền này là tiền riêng của tôi không liên quan gì đến ông Nguyễn Tấn Ph là chồng của tôi.

Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc cá nhân ông Nguyễn Tấn B phải trả cho tôi số tiền 600.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng vay tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

2. Người được ủy quyền của bị đơn - ông Nguyễn Văn Th trình bày:

Bà Võ Thị Bích H có mối quan hệ là em dâu của ông Nguyễn Tấn B. Vào ngày 02/7/2010 ông B là giám đốc Công Ty TNHH MTV TM&DV M có ký vay số tiền 600.000.000 đồng của bà Võ Thị Bích H, khi ký vay tiền không ghi thời hạn trả, khi nào bà H đòi thì phải báo trước thời hạn 01 tháng: mục đích vay để Công Ty TNHH MTV TM&DV M đầu tư kinh doanh vào cà phê bột, lãi suất trong hợp đồng 12%/năm, lãi suất trả vào cuối tháng, khi vay không thế chấp tài sản gì.

Ông Nguyễn Tấn B xác định có ký vay tiền cho Công Ty TNHH MTV TM&DV M nhưng thực tế không có việc giao, nhận tiền với Công Ty TNHH MTV TM&DV M nên cá ông Nguyễn Tấn B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H về việc trả số tiền gốc và lãi theo giấy vay tiền ngày 02/7/2010.

Nếu có việc vay mượn tiền theo giấy vay tiền thì phải trả lãi hàng tháng theo quy định nhưng giữa bà Võ Thị Bích H và ông B từ khi ký vay đến nay không có việc trả tiền lãi và tiền gốc nên xác định không có việc vay tiền 600.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 02/7/2010.

Nếu vay thì phải ghi rõ là đã nhận đủ tiền, nên không có việc giao nhận tiền, do vậy giấy vay không có giá trị pháp lý nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Công Ty TNHH MTV TM&DV M (Nay là Công ty TNHH MTV TM&DV Q) – Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Tấn B trình bày:* Công ty TNHH MTV TM&DV M không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì Công ty TNHH MTV TM&DV M thời điểm đó có ký vay nhưng bà Võ Thị Bích H chưa đưa tiền cho Công ty nên Công Ty TNHH MTV TM&DV M (Nay là Công ty TNHH MTV TM&DV Q) không đồng ý với nội dung khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Bích H.

4. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Tấn Ph trình bày:* Tôi là chồng của bà Võ Thị Bích H, đối với số tiền 600.000.000 đồng mà bà Võ Thị Bích H cho ông Nguyễn Tấn B vay ngày 02/7/2010 thì tôi không liên quan vì tiền này là tiền riêng của bà Võ Thị Bích H cho ông B vay tôi không liên quan nên tôi từ chối tham gia tố tụng tại Tòa án.

5. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Hồng L, bà Nguyễn Thị Thu T, ông Nguyễn Tấn Ph trình bày:* Chúng tôi là thành viên Công ty TNHH MTV TM&DV Q nhưng chúng tôi không biết không liên quan gì đến số tiền vay 600.000.000 đồng ngày 02/7/2010 của bà H cho ông Nguyễn Tấn B vay nên đề nghị Tòa án xét xử vụ án theo quy định.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H về việc: Buộc ông Nguyễn Tấn B phải trả số tiền 1.546.200.000 đồng; trong đó: 600.000.000 đồng gốc và tiền lãi tính đến ngày 24/8/2023 là 946.200.000 đồng cho bà Võ Thị Bích H.

Án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ Thi hành án, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 30/8/2023, nguyên đơn là bà Võ Thị Bích H kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét lại bản án trên.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk:

-*Về tố tụng:* Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS.

-*Về nội dung:* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đề nghị Hội đồng xét xử, căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Bích H, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu thu thập được có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và các đương sự. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về nội dung:

Các bên thừa nhận nguyên đơn bà Võ Thị Bích H có mối quan hệ là em dâu của bị đơn ông Nguyễn Tấn B. Vào ngày 02/7/2010 ông Nguyễn Tấn B là giám đốc Công Ty TNHH MTV TM&DV M có ký vay số tiền 600.000.000 đồng của bà Võ Thị Bích H, khi ký vay tiền không ghi thời hạn trả, khi nào bà H đòi thì phải báo trước thời hạn 01 tháng, mục đích vay để kinh doanh cà phê bột, lãi suất trong hợp đồng 12%/năm, lãi suất trả vào cuối tháng, khi vay không thế chấp tài sản gì.

Nguyên đơn cho rằng mặc dù ông Nguyễn Tấn B ký, ghi họ tên và đóng dấu là Giám đốc Công Ty TNHH MTV TM&DV M nhưng lúc đó là anh em nên ký, đóng dấu để làm tin chứ nguyên đơn không cho Công Ty TNHH MTV TM&DV M vay tiền. Nên khởi kiện yêu cầu buộc cá nhân ông Nguyễn Tấn B phải trả cho tôi số tiền 600.000.000 đồng nợ gốc và lãi suất theo hợp đồng vay tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bị đơn thừa nhận có ký giấy vay tiền của bà Võ Thị Bích H cho Công Ty TNHH MTV TM&DV M nhưng cho rằng thực tế không có việc giao, nhận tiền với Công Ty TNHH MTV TM&DV M và từ khi ký vay đến nay không có việc trả tiền lãi, tiền gốc nên xác định không có việc vay 600.000.000 đồng theo giấy vay tiền ngày 02/7/2010. Vì vậy, ông Nguyễn Tấn B không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà H.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và kháng cáo của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về số tiền nợ gốc:

Tại giấy vay tiền ông Nguyễn Tấn B là người đứng tên ký vay và có đóng dấu Công Ty TNHH MTV TM&DV M, thể hiện nội dung “Ngày nhận tiền vay 02/7/2010”, đồng thời bà H là người đang nắm giữ giấy vay tiền. Điều này có cơ sở khẳng định sự việc vay tiền là có thật, tuy nhiên việc xác định cá nhân ông B hay Công

ty là người vay thì theo hồ sơ vụ án, phía bị đơn cũng cho rằng không có việc giao nhận tiền với Công Ty TNHH MTV TM&DV M vì không có các giấy biên nhận hay thủ tục nào liên quan đến Công ty xác nhận về việc vay tiền bà H, đồng thời những người là thành viên Công Ty TNHH MTV TM&DV M (nay là Công ty TNHH MTV TM&DV Q) đều trình bày không biết và không liên quan gì đến số tiền vay 600.000.000 đồng ngày 02/7/2010 của bà H cho ông Nguyễn Tấn B. Do đó, xác định Công Ty TNHH MTV TM&DV M không phải là người vay tiền của bà H. Theo lẽ thường, bên vay không nhận tiền thì sẽ không ký nhận giấy vay tiền như trên nên việc ông B cho rằng không có việc giao nhận tiền là không hợp lý.

Căn cứ vào giấy vay tiền ông B là người trực tiếp ký giấy vay tiền và đồng thời cũng cam kết *“Nay tôi viết giấy này cam kết đến thời hạn không trả thì tôi xin chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật”*. Hợp đồng vay trên được xác định là không có thời hạn, căn cứ Điều 469 Bộ luật dân sự *“Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản bất cứ lúc nào, nhưng phải báo trước cho bên vay một thời gian hợp lý”*, ngày 01/12/2022, bà H chứng minh gửi thông báo yêu cầu ông B về việc trả nợ khoản vay trên mặc dù ông B từ chối nhận do trốn tránh, nên cần xác định từ thời điểm nguyên đơn gửi thông báo yêu cầu bị đơn trả nợ để xác định việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ, và các bên có thỏa thuận *“khi nào bà H đòi thì phải báo trước thời hạn 01 tháng”*, tuy nhiên sau thời hạn thông báo ông B vẫn chưa trả nợ cho bà H nên bà H khởi kiện yêu cầu ông B trả nợ gốc 600.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 469 Bộ luật dân sự.

[2.2] Về tiền lãi:

Mức lãi suất các bên thỏa thuận là 12%/năm là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự nên cần xác định mức lãi suất cho vay theo thỏa thuận trên để tính lãi khoản vay là có căn cứ.

Cần xác định thời điểm vi phạm nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi vào thời điểm thông báo là hợp lý, nên lãi được tính từ 01/12/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 24/8/2023, cụ thể như sau: $600.000.000đ \times 12\%/12 \text{ tháng} \times (7 \text{ tháng } 24 \text{ ngày}) = 46.800.000 \text{ đồng}$.

Từ những phân tích tại mục [2.1] và [2.2], buộc ông Nguyễn Tấn B phải trả số tiền gốc và lãi cho bà Võ Thị Bích H 600.000.000 đồng tiền gốc và 46.800.000 đồng tiền lãi.

[3] Về án:

[3.1] Án phí sơ thẩm:

- Nguyên đơn bà Võ Thị Bích H phải chịu án phí sơ thẩm đối với yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận ($946.200.000đ - 46.800.000đ = 899.400.000đ$ tiền lãi), án phí là: $36.000.000 \text{ đồng} + (99.400.000 \text{ đồng} \times 3\%) = 38.982.000 \text{ đồng}$.

- Bị đơn ông Nguyễn Tấn B phải chịu án phí sơ thẩm của 600.000.000đ tiền gốc và 46.800.000đ tiền lãi phải trả cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật, cụ thể: 20.000.000 đồng + (246.800.000đ x 4%) = 29.872.000 đồng.

[3.2] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

[1] Căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật tố tụng dân sự;

Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Võ Thị Bích H. Sửa Bản án Dân sự sơ thẩm số 153/2023/DS-ST ngày 24/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

[2] Áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 1 Điều 468 và khoản 2 Điều 469 của Bộ luật dân sự; Áp dụng Điều 26, Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[2.1] Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H.

Buộc ông Nguyễn Tấn B phải trả cho bà Võ Thị Bích H số tiền nợ gốc 600.000.000đ (*Sáu trăm triệu đồng*) và nợ lãi 46.800.000đ (*Bốn mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng*), tổng cộng: 646.800.000đ (*Sáu trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

[2.2] Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Bích H về việc buộc ông Nguyễn Tấn B phải trả cho Võ Thị Bích H số tiền lãi 899.400.000đ.

[2.3] Về án phí:

Buộc ông Nguyễn Tấn B phải chịu 29.872.000đ (*Hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi hai ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Buộc bà Võ Thị Bích H phải chịu 38.982.000đ (*ba mươi tám triệu chín trăm tám mươi hai ngàn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ số tiền số tiền 20.667.000đ (*hai mươi triệu sáu trăm sáu mươi bảy ngàn đồng*) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0001434 ngày 09/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Bà Võ Thị Bích H không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, được nhận lại số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2022/0004378 ngày 05/9/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp. B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Duy Tuấn